



Số PKQ: 11249/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4504.NT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH Ngày lấy mẫu : 14/11/2025
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Tp.HCM Loại mẫu : Nước thải
Vị trí lấy mẫu : 25.4504.NT1: Nước thải trước khi vào hệ thống xử lý nước thải, Công suất 2000m³

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				25.4504.NT1
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,38
2	Độ màu ^(b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2023	72
3	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	617
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	1.714
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	62
6	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	7,2
7	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2023	3,5
8	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	30,2
9	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	12,55
10	Clo dư ^(b)	mg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH (LOD=0,03)
11	Tổng Coliform ^(b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	130.000

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 11250/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4504.NT2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH** Ngày lấy mẫu : 14/11/2025
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Tp.HCM Loại mẫu : Nước thải
Vị trí lấy mẫu : 25.4504.NT2: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải
(lấy tại cửa xả số 3)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
				25.4504.NT2	Cmax
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	8,3	5,5 ÷ 9
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ^(b)	mg/L	QTN.01/LAET	549	-
3	Độ màu ^(b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2023	14	135
4	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	14	45
5	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	39	135
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	KPH (LOD=5)	90
7	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (LOD=1)	9
8	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2023	KPH (LOD=0,5)	9
9	Tổng Nitơ ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	7,6	36
10	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	5	5,4
11	Clo dư ^(b)	mg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH (LOD=0,03)	1,8
12	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,09
13	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P) ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	2,45	-
14	Sunfua (S ²⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (LOD=0,02)	0,45
15	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	3,34	-
16	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,0002)	0,09
17	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (LOD=0,0003)	0,009
18	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,45



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
				25.4504.NT2	Cmax
19	Tổng Coliform ^(b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	KPH (LOD=2)	4.500

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
3. Cmax: Cột B, $K_q = 0,9$ và $K_r = 1,0$
4. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
5. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
6. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
7. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
8. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

KS. Trần Thị Phương Linh

Trưởng phòng PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiện





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 11251/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4504.KK1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH Ngày lấy mẫu : 14/11/2025
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Tp.HCM Loại mẫu : Không khí xung quanh
Vị trí lấy mẫu : 25.4504.KK1: Khu dân cư bên hông nhà máy

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn
				25.4504.KK1	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	32,2	-
2	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-2:2018	65,1	70 ⁽²⁾
3	Độ rung ^(b)	dB	TCVN 6963:2001	41,7	70 ⁽³⁾
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	US EPA IO-2.1	129	300 ⁽¹⁾
5	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	53	200 ⁽¹⁾
6	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	50	350 ⁽¹⁾
7	CO ^(b)	µg/Nm ³	SOP-KK09/LAET	6.165	30.000 ⁽¹⁾
8	NH ₃ ^(b)	µg/Nm ³	MASA 401	KPH (LOD=30)	200 ⁽¹⁾
9	H ₂ S ^(b)	µg/Nm ³	MASA 701	KPH (LOD=9,5)	42 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- ⁽¹⁾QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- ⁽²⁾QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn
- ⁽³⁾QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



Số PKQ: 11252/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4504.KK2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH Ngày lấy mẫu : 14/11/2025
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Tp.HCM Loại mẫu : Không khí xung quanh
Vị trí lấy mẫu : 25.4504.KK2: Sân thể dục thể thao tiếp giáp HTXLNT

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn
				25.4504.KK2	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	31,7	-
2	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-2:2018	67,1	70 ⁽²⁾
3	Độ rung ^(b)	dB	TCVN 6963:2001	41,2	70 ⁽³⁾
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	US EPA IO-2.1	107	300 ⁽¹⁾
5	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	52	200 ⁽¹⁾
6	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	42	350 ⁽¹⁾
7	CO ^(b)	µg/Nm ³	SOP-KK09/LAET	6.156	30.000 ⁽¹⁾
8	NH ₃ ^(b)	µg/Nm ³	MASA 401	KPH (LOD=30)	200 ⁽¹⁾
9	H ₂ S ^(b)	µg/Nm ³	MASA 701	KPH (LOD=9,5)	42 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- ⁽¹⁾QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- ⁽²⁾QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn
- ⁽³⁾QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 11253/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4504.KK3
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH Ngày lấy mẫu : 14/11/2025
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Tp.HCM Loại mẫu : Không khí xung quanh
Vị trí lấy mẫu : 25.4504.KK3: Khu dân cư đường Bà Triệu cổng ra đường Nguyễn Kim

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn
				25.4504.KK3	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	31,9	-
2	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-2:2018	62,5	70 ⁽²⁾
3	Độ rung ^(b)	dB	TCVN 6963:2001	42,3	70 ⁽³⁾
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	US EPA IO-2.1	184	300 ⁽¹⁾
5	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	73	200 ⁽¹⁾
6	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	67	350 ⁽¹⁾
7	CO ^(b)	µg/Nm ³	SOP-KK09/LAET	7.185	30.000 ⁽¹⁾
8	NH ₃ ^(b)	µg/Nm ³	MASA 401	KPH (LOD=30)	200 ⁽¹⁾
9	H ₂ S ^(b)	µg/Nm ³	MASA 701	KPH (LOD=9,5)	42 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- ⁽¹⁾QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- ⁽²⁾QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn
- ⁽³⁾QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

KS. Trần Thị Phương Linh

Trưởng phòng PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 11254/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4504.KK4
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH Ngày lấy mẫu : 14/11/2025
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Tp.HCM Loại mẫu : Không khí xung quanh
Vị trí lấy mẫu : 25.4504.KK4: Sân Malt đường Nguyễn Chí Thanh

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn
				25.4504.KK4	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	32,1	-
2	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-2:2018	67,6	70 ⁽²⁾
3	Độ rung ^(b)	dB	TCVN 6963:2001	68,2	70 ⁽³⁾
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	US EPA IO-2.1	116	300 ⁽¹⁾
5	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	51	200 ⁽¹⁾
6	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	48	350 ⁽¹⁾
7	CO ^(b)	µg/Nm ³	SOP-KK09/LAET	7.191	30.000 ⁽¹⁾
8	NH ₃ ^(b)	µg/Nm ³	MASA 401	KPH (LOD=30)	200 ⁽¹⁾
9	H ₂ S ^(b)	µg/Nm ³	MASA 701	KPH (LOD=9,5)	42 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- ⁽¹⁾QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- ⁽²⁾QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn
- ⁽³⁾QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 11255/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4504.KK5
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH** Ngày lấy mẫu : 14/11/2025
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Tp.HCM Loại mẫu : Không khí xung quanh
Vị trí lấy mẫu : 25.4504.KK5: Cổng A đường Nguyễn Chí Thanh

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả 25.4504.KK5	Giới hạn
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	32,5	-
2	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-2:2018	67,6	70 ⁽²⁾
3	Độ rung ^(b)	dB	TCVN 6963:2001	40,3	70 ⁽³⁾
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	US EPA IO-2.1	131	300 ⁽¹⁾
5	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	71	200 ⁽¹⁾
6	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	63	350 ⁽¹⁾
7	CO ^(b)	µg/Nm ³	SOP-KK09/LAET	7.199	30.000 ⁽¹⁾
8	NH ₃ ^(b)	µg/Nm ³	MASA 401	KPH (LOD=30)	200 ⁽¹⁾
9	H ₂ S ^(b)	µg/Nm ³	MASA 701	KPH (LOD=9,5)	42 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- ⁽¹⁾QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- ⁽²⁾QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn
- ⁽³⁾QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



Số PKQ: 11256/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4504.KK6
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH Ngày lấy mẫu : 14/11/2025
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Tp.HCM Loại mẫu : Không khí xung quanh
Vị trí lấy mẫu : 25.4504.KK6: Cổng B đường Nguyễn Chí Thanh

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn
				25.4504.KK6	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	32,3	-
2	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-2:2018	66,3	70 ⁽²⁾
3	Độ rung ^(b)	dB	TCVN 6963:2001	43,5	70 ⁽³⁾
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	US EPA IO-2.1	116	300 ⁽¹⁾
5	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	55	200 ⁽¹⁾
6	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	50	350 ⁽¹⁾
7	CO ^(b)	µg/Nm ³	SOP-KK09/LAET	7.195	30.000 ⁽¹⁾
8	NH ₃ ^(b)	µg/Nm ³	MASA 401	KPH (LOD=30)	200 ⁽¹⁾
9	H ₂ S ^(b)	µg/Nm ³	MASA 701	KPH (LOD=9,5)	42 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- ⁽¹⁾QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- ⁽²⁾QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn
- ⁽³⁾QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

KS. Trần Thị Phương Linh

Trưởng phòng PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 11257/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4504.KK7
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH Ngày lấy mẫu : 14/11/2025
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Tp.HCM Loại mẫu : Không khí xung quanh
Vị trí lấy mẫu : 25.4504.KK7: Trong khu vực HTXLNT

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn
				25.4504.KK7	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	31,9	-
2	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-2:2018	61,4	70 ⁽²⁾
3	Độ rung ^(b)	dB	TCVN 6963:2001	39,7	70 ⁽³⁾
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	US EPA IO-2.1	92	300 ⁽¹⁾
5	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	63	200 ⁽¹⁾
6	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	60	350 ⁽¹⁾
7	CO ^(b)	µg/Nm ³	SOP-KK09/LAET	8.211	30.000 ⁽¹⁾
8	NH ₃ ^(b)	µg/Nm ³	MASA 401	31,7	200 ⁽¹⁾
9	H ₂ S ^(b)	µg/Nm ³	MASA 701	12,5	42 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- ⁽¹⁾QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- ⁽²⁾QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn
- ⁽³⁾QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 11258/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4504.KK8
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH Ngày lấy mẫu : 14/11/2025
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Tp,HCM Loại mẫu : Không khí xung quanh
Vị trí lấy mẫu : 25.4504.KK8: Gần ống xử lý mùi hôi của HTXLNT

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn
				25.4504.KK8	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	31,1	-
2	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-2:2018	59,4	70 ⁽²⁾
3	Độ rung ^(b)	dB	TCVN 6963:2001	39,2	70 ⁽³⁾
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	US EPA IO-2.1	76	300 ⁽¹⁾
5	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	49	200 ⁽¹⁾
6	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	46	350 ⁽¹⁾
7	CO ^(b)	µg/Nm ³	SOP-KK09/LAET	8.189	30.000 ⁽¹⁾
8	NH ₃ ^(b)	µg/Nm ³	MASA 401	38,6	200 ⁽¹⁾
9	H ₂ S ^(b)	µg/Nm ³	MASA 701	18,5	42 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- ⁽¹⁾QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- ⁽²⁾QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn
- ⁽³⁾QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 11259/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4504.KK9
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH Ngày lấy mẫu : 14/11/2025
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Tp,HCM Loại mẫu : Không khí xung quanh
Vị trí lấy mẫu : 25.4504.KK9: Nhiệt độ ngoài trời tại thời điểm đo

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				25.4504.KK9
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	32,8

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 11260/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4504.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH Ngày lấy mẫu : 14/11/2025
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Tp.HCM Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 25.4504.KT1: Khí thải trong ống khói lò hơi (Lò Bosch)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				25.4504.KT1	Cột B Kp=0,9 và Kv=0,6
1	CO ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=1,14)	540
2	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	150,1	459
3	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	16,6	270
4	Lưu lượng ^(b)	Nm ³ /h	US EPA 02	10.628	-
5	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	28,5	108

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 11261/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4504.NMUA1
---------------------------	---	-------------------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH Ngày lấy mẫu : 14/11/2025
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Tp.HCM Loại mẫu : Nước mưa
Vị trí lấy mẫu : 25.4504.NMUA1: Tại bể chứa thu hồi

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				25.4504.NMUA1
1	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ^(b)	mg/L	QTN.01/LAET	256

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiện